

Bản án số: 93/2017/HS-ST

Ngày: 31-10-2017.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bình - Cán bộ địa chính xã Liên Hiệp, huyện H.

2. Ông Tống Xuân Tú - Bí thư Đoàn TNCS HCM xã Thái Hưng, huyện H.

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H - tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Tố Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 88/2017/HSST ngày 10 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2017/QĐST - HS ngày 18/10/2017 đối với bị cáo:

Phan Văn H tên gọi khác Phan Văn N, sinh ngày 27/11/2000; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Bó đẽ: không xác định; Mẹ đẻ Nguyễn Thị C; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ 21/7/2017 “có mặt”.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo H: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình “có mặt”.

Người bị hại: Anh Nguyễn Mạnh K, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện H, tỉnh Thái Bình “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2016, Phan Văn H giả danh là N, sinh năm 1990 nhà ở xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình và hiện đang học tiếng Nhật ở Hà Nội và chuẩn bị sang nước Nhật Bản làm việc để làm quen với anh Nguyễn Mạnh K qua game “Tập Kích” mục đích để dễ nói chuyện. Một thời gian sau, H xin số điện thoại của anh K để kết bạn qua ứng dụng Zalo, từ đó H và anh K thường xuyên nhắn tin nói chuyện với nhau. Tháng 02/2017, H nói với anh K là H đã sang nước Nhật Bản làm việc,

đến ngày 17/3/2017, anh K nhắn tin qua ứng dụng Zalo hỏi H giá điện thoại Iphone 7 ở Nhật Bản và nhờ H mua hộ điện thoại. Lúc này, H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh K nên đã tìm hiểu giá bán điện thoại Iphone 7 trên mạng Internet và trả lời anh K “ Iphone 7 bản 128Gb có giá là 21.000.000 đồng, bản 72Gb có giá 19.999.000 đồng kèm quà tặng là điện thoại Samsung Galaxy J3”, anh K nói với H chỉ có 15.000.000 đồng, không đủ tiền mua điện thoại trên. Thấy vậy, H bảo anh K chuyển 15.000.000 đồng cho H, số tiền còn thiếu H sẽ cho anh K vay, anh K đồng ý. H cho anh K hai số thuê bao điện thoại gồm: 01675.435.748 và 01664.229.452 (là số điện thoại của H) và nói dối anh K đó là số điện thoại của H (em trai mình) để anh K liên lạc và đưa tiền cho H nhằm chiếm đoạt số tiền trên. Anh K đã gọi điện vào số thuê bao 01664.229.452 hẹn gặp H. Đến khoảng 7 giờ 30 phút ngày 18/3/2017, H và anh K gặp nhau tại đường cao tốc Thái Hà thuộc địa phận thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình. Do chưa biết mặt nên khi gặp H anh K vẫn tin đó là em trai của N (người đã nhận mua điện thoại hộ anh K) nên đã đưa cho H số tiền 15.000.000 đồng và nhờ H chuyển tiền cho N để mua điện thoại. Sau khi lấy được tiền, H đến cửa hàng Internet của anh Trần Văn P, sinh năm 1979 ở thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình và dùng số tiền đó để chơi game và chi tiêu cá nhân hết.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phan Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Bản cáo trạng số 90/2017/CT-VKS ngày 09-10-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Phan Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự (viết tắt BLHS).

Trong phần tranh luận vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phan Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 BLHS.

Đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX): Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 31, Điều 69, Điều 73 BLHS. Xử phạt bị cáo Phan Văn H từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo H cho UBND xã B, huyện H giám sát, giáo dục.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo Phan Văn H và gia đình đã tự nguyện trả lại cho người bị hại là anh Nguyễn Mạnh K số tiền 15.000.000 đồng. Anh Nguyễn Mạnh K đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo H bồi thường gì khác.

Bị cáo Phan Văn H nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội, chứng cứ buộc tội đối với bị cáo Phan Văn H:

Lời khai nhận tội của bị cáo Phan Văn H tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Đơn trình báo và lời khai của người bị hại là anh Nguyễn Mạnh K (Bút lục số 02 và từ số 46 đến số 51); Biên bản nhận dạng đối tượng Phan Văn H do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H lập ngày 21/6/2017 (Bút lục số 27, 28); Biên bản kiểm tra điện thoại của anh Nguyễn Mạnh K Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H lập ngày 28/6/2017 (Bút lục từ số 30 đến số 33); Sơ đồ hiện trường, Biên bản xác định hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H lập ngày 21/5/2017 (Bút lục số từ số 40 đến số 42); Lời khai của những người làm chứng là: chị Phan Thị C, sinh năm 1975, anh Phan Văn K, sinh năm 1984, ông Phan Văn Đ, sinh năm 1946, cùng trú tại Thôn T, xã B, Huyện H, tỉnh Thái Bình (Bút lục từ số 102 đến số 107); cháu Đinh Huy T, sinh năm 2000, trú tại thôn H, xã Đ, huyện H, Thái Bình (Bút lục số 110,111); cháu Lê Văn T, sinh năm 2000, trú tại Thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình (Bút lục số 119A, 119B); anh Trần Văn P, sinh năm 1979, trú tại thôn T, xã M, huyện Đ (Bút lục số 114,115); chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, trú tại thôn H, xã M, huyện Đ (Bút lục số 116,117) cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Ngày 18/3/2017 Phan Văn H, sinh ngày 27/11/2000, trú tại Thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình giả danh tên là N, sinh năm 1990, nhà ở xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình, đang làm việc tại Nhật Bản và nhận mua hộ điện thoại di động Iphone 7, chiếm đoạt của anh Nguyễn Mạnh K, sinh năm 1990, trú tại Thôn B, xã P, huyện H, số tiền số tiền 15.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Phan Văn H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Vì vậy Viện Kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Phan Văn H là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà bị cáo H thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, vì mục đích tư lợi trái pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nơi địa phương xảy ra tội phạm.

[4] Xét nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Văn H không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng, bị cáo và gia đình đã khắc phục hậu quả, bị cáo được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên bị cáo đ-ợc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1, khoản, khoản 2 Điều 46 BLHS. Bị cáo Phan Văn H phạm tội khi được 16 tuổi 3 tháng 18 ngày nên được áp dụng các Điều 68, 69 chương X BLHS. Từ các phân tích trên HĐXX xét thấy chỉ cần phạt cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo H, giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo H trở thành công dân tốt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Phan Văn H và gia đình đã trả lại tiền cho người bị hại xong, nên không phải giải quyết.

Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. □p dụng khoản 1 Điều 139, điểm b, g, h, p khoản 1, 2 Điều 46 Điều, Điều 31, Điều 69, Điều 73 Bộ luật hình sự.

3. Xử phạt bị cáo Phan Văn H **01(một) năm cải tạo không giam giữ**, tính từ ngày UBND xã B nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phan Văn H cho UBND xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo Phan Văn H.

4. Về án phí: Bị cáo Phan Văn H phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phan Văn H và người đại diện hợp pháp cho bị cáo bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Mạnh K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Công an huyện H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Trần Thị Nhàn